

Bản án số: 30/2019/DS-ST
Ngày: 14/8/2019.
Về việc tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hằng Nga.
2. Bà Đoàn Thị Mên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đình Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu Ng, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
“Có mặt”

Bị đơn: Ông Trần Đức Th, sinh năm 1968 và bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Tổ X, ấp T, xã C, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. “Ông Th và bà Ng vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/01/2019; trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Ng trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên trong năm 2018, bà Nguyễn Thị Thu Ng cho vợ chồng bà Phạm Thị Ph và ông Trần Đức Th vay tiền nhiều lần, tổng số tiền là 90.000.000 đồng, nhưng không làm giấy tờ gì và vợ chồng bà Ph, ông Th cũng chưa trả nợ gốc, nợ lãi cho bà Ng. Ngày 17/8/2018, bà Ph đến nhà bà Ng hỏi vay tiếp số tiền 100.000.000 đồng, bà Ng đồng ý, nhưng bà Ng yêu cầu

bà Ph phải tự viết giấy vay tiền và chót số tiền trước đây đã vay, tổng cộng là 190.000.000 đồng. Việc vay tiền không thế chấp tài sản, không giao tài sản hoặc giấy tờ để bảo đảm, không thỏa thuận lãi suất và hẹn trong vòng 02 tháng sẽ trả.

Sau 02 tháng, bà Ng yêu cầu ông Th và bà Ph trả nợ nhưng ông Th và bà Ph không trả. Nay, bà Ng yêu cầu bà Ph và ông Th phải trả cho bà Ng số tiền nợ gốc là 190.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 18/10/2018 đến ngày xét xử (14/8/2019) theo mức lãi suất là 10%/năm là 15.675.000 đồng; tổng cộng là 205.675.000 đồng.

Bị đơn bà Phạm Thị Ph và ông Trần Đức Th vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án 04/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2019 và các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải kèm theo giấy triệu tập bà Ph, ông Th đến Tòa án để làm việc, nhưng bà Ph và ông Th đều vắng mặt không có lý do. Theo kết quả xác minh thì bà Ph và ông Th có nơi cư trú tại Tổ X, ấp T, xã C, huyện Xuyên Mộc, nhưng Tòa án không tổng đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng cho bà Ph và ông Th nên đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bà Ph, ông Th và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn giải quyết vụ án còn kéo dài quá 04 tháng, không có quyết định gia hạn là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nhưng Tòa án cần rút kinh nghiệm.

Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại 02 phiên tòa sơ thẩm là chưa chấp hành pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận một phần, đề nghị Hội đồng xét xử bà Phạm Thị Ph trả cho bà Nguyễn Thị Thu Ng số tiền nợ gốc là 190.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu Ng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp:

Bà Phạm Thị Ph và ông Trần Đức Th có nơi cư trú tại Tổ X, ấp T, xã C, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Thu Ng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị Ph và ông Trần Đức Th trả số tiền nợ gốc 190.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về sự vắng mặt của đương sự*: Bị đơn là bà Phạm Thị Ph và ông Trần Đức Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ngày 24/7/2019 và phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai ngày 14/8/2019, nhưng bà Phạm Thị Ph và ông Trần Đức Th đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Phạm Thị Ph và ông Trần Đức Th theo quy định.

[3]. *Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc 190.000.000 đồng*:

Căn cứ giấy mượn tiền ngày 17/8/2018, có nội dung: Tôi có mượn của em Ng 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng); thời hạn trả nợ là 02 tháng; giấy mượn tiền do bà Phạm Thị Ph ký tên. Xác định bà Ph có vay bà Ng số tiền 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng). Sau thời hạn 02 tháng kể từ ngày 17/8/2018, bà Ph không trả tiền cho bà Ng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà Ng khởi kiện là đúng quy định của pháp luật.

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Ng cho rằng cho bà Ph và chồng bà Ph là ông Th vay tiền nên khởi kiện buộc bà Ng và ông Th trả nợ cho bà Ng.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Ng và giấy mượn tiền ngày 17/8/2018 thì thấy rằng, tại giấy mượn tiền trên do một mình bà Ph ký tên, không có chữ ký của ông Th. Để xem xét trách nhiệm liên đới của ông Th đối với khoản tiền bà Ph vay bà Ng theo yêu cầu khởi kiện của bà Ng, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà Ph và ông Th tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Xuyên Mộc, tuy nhiên qua xác minh không có căn cứ xác định bà Ph và ông Th là vợ chồng. Mặt khác tại giấy mượn tiền ngày 17/8/2018 chỉ thể hiện nội dung bà Ph vay tiền của bà Ng, không rõ mục đích để làm gì. Vì vậy, không đủ cơ sở để buộc ông Th có nghĩa vụ liên đới cùng bà Ph trả số nợ trên cho bà Ng theo quy định tại Điều 27 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập bà Ph, ông Th nhiều lần đến Tòa án để làm việc, nhưng bà Ph và ông Th đều vắng mặt không có lý do và không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến về việc không thừa nhận chữ ký của bà Ph trong giấy mượn tiền trên, đồng thời bà Ph cũng không xuất trình chứng cứ chứng minh bà Ph không vay tiền của bà Ng. Do đó bà Ph đã tự từ bỏ quyền chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Từ những nhận định trên, xác định bà Ph nợ bà Ng số tiền 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng) nên cần buộc bà Ph trả số tiền nợ trên cho bà Ng là phù hợp.

[4]. *Về lãi suất*:

Bà Nguyễn Thị Thu Ng yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả tiền lãi do chậm thanh toán của số tiền nợ gốc 190.000.000 đồng, với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 18/10/2018 đến ngày xét xử (14/8/2019).

Xét giấy mượn tiền ngày 17/8/2018 do các bên ký kết, có thỏa thuận thời hạn trả nợ nhưng không thỏa thuận về lãi suất. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi 10%/năm kể từ ngày vi phạm (18/10/2018) là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Như vậy lãi suất bà Ph phải trả cho bà Ng như sau:

190.000.000 đồng 10%/năm x 09 tháng 27 ngày = 15.675.000 đồng.

[5]. Căn cứ Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Ng. Buộc bị đơn bà Phạm Thị Ph có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu Ng số tiền nợ gốc là 190.000.000 đồng và 15.675.000 đồng nợ lãi; tổng cộng là 205.675.000 đồng.

[6]. *Về án phí*: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; cụ thể: 205.675.000 đồng x 5% = 10.284.000 đồng (Đã làm tròn số). Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 429, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Ng đối với bị đơn bà Phạm Thị Ph về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Phạm Thị Ph có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu Ng số tiền nợ tổng cộng là 205.675.000 đồng (Hai trăm lẻ năm triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); trong đó nợ gốc là 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng) và nợ lãi 15.675.000 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Phạm Thị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 10.284.000 đồng (Mười triệu hai trăm tám mươi tư nghìn đồng).

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.750.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006552 ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Duy